

Bản án số: 05/2020/HS-ST  
Ngày 12-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Diệu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hoàng Hân;

Ông Lê Chí Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Thị Tuyết M; tên gọi khác: Lâm Thu T, Lâm Thị T, sinh năm 1973 tại V, Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn Th (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936; anh em ruột 04 người (lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất là bị cáo); Chồng: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1972; Con: Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1988, Phạm Huỳnh N, sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02 ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Người làm chứng:**

+ Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Trú tại: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Lý Thị P, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Ấp Cái T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 24/01/2001, ông Lê Hoàng D có uống rượu và đến nhà của ông Đặng Minh H chơi. Tại đây ông D hỏi ông H có em út gì không (ý hỏi có gái bán dâm không) thì ông H nói có và dẫn ông D qua dãy nhà của ông Phạm Văn B cho thuê cạnh bên nhà ông H thuộc khóm 3, thị trấn N, huyện N gặp Hồ Văn K và Lâm Thị Tuyết M (sống chung như vợ chồng) là người thuê nhà để M kêu Lý Thị P đến bán dâm cho ông D thì P đồng ý.

P và ông D vào phòng ngủ của bị cáo M để thực hiện hành vi mua bán dâm với giá 200.000 đồng và bị cáo M sẽ lấy tiền phòng là 20.000 đồng. Sau khi quan hệ tình dục xong P, bị cáo M đòi 200.000 đồng nhưng ông D chỉ còn 100.000 đồng nên giữa hai bên xảy ra cự cãi với nhau. Lúc này Hồ Văn K và Dương Minh Đ (chồng P) xông vào đánh ông D nhưng được mọi người can ngăn nên Đ không đánh nữa, chỉ còn lại K đánh ông D, K dùng 01 tay dè đầu, dùng hai chân kẹp hông của ông D lại, tay còn lại Khánh lột sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 33 chỉ đeo trên cổ của ông D rồi bỏ vào túi quần và bỏ về nhà cha mẹ của Khánh cất giấu. Sau đó Công an thị trấn Năm Căn đến lập biên bản sự việc.

Ngày 10/7/2001 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau có văn bản yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau khởi tố bị can đối với Lâm Thị Tuyết M về tội Chứa mại dâm.

Ngày 25/7/2001 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau ra quyết định khởi tố bị can Lâm Thị Tuyết M về tội Chứa mại dâm quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng M đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với M.

Ngày 28/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau đã bắt được Lâm Thị Tuyết M tại Thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định truy nã số 05 ngày 25/7/2001.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn đã truy tố đối với bị cáo Lâm Thị Tuyết M về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự 2015.

### ***Tại phiên tòa,***

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M từ 01 đến 02 năm cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L quản lý, giáo dục, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo M, đối với số tiền thu lợi bất chính 20.000 đồng do bị cáo chưa nhận nên không buộc bị cáo phải giao nộp, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Đối với Hồ Văn K thì Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xét xử tại bản án sơ thẩm số: 79/HSST ngày 12/9/2001.

Bị cáo Lâm Thị Tuyết M không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng vắng mặt nên không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Năm Căn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như Biên bản hiện trường, Biên bản bắt người đang bị truy nã, Biên bản ghi lời khai của bị cáo, của người làm chứng. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 24/01/2001 Lâm Thị Tuyết M cùng Hồ Văn K đã dùng phòng ngủ của mình ở khóm 3, thị trấn N, huyện N để cho Lê Hoàng D và Lý Thị P thực hiện hành vi mua bán dâm nhằm mục đích thu lợi với số tiền là 20.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bõ lẽ, bị cáo đã xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa xã hội mà Nhà nước ta đã và đang xây dựng. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh của xã hội nói chung và tại địa phương nói riêng. Ngoài ra, hành vi chứa mại dâm của bị cáo còn tạo điều kiện cho những căn bệnh truyền nhiễm có điều kiện tồn tại và lây lan, phát triển, tác động xấu đến truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình của nhiều người thậm chí còn có thể gây đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp mọi hậu quả xảy ra và bất chấp cả sự trừng trị của pháp luật, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm tạo điều kiện giúp cho bị cáo học tập, cải tạo, sau này biết tôn trọng pháp luật và trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có

nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhận thức pháp luật hạn chế; Gia đình có người thân có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và thời gian được cho tại ngoại cho đến nay không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo vẫn đảm bảo tính răn đe. Do bị cáo nghề nghiệp làm thuê, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn (năm 2018 là hộ cận nghèo) nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó bị cáo M có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp là làm thuê, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với số tiền thu lợi bất chính 20.000 đồng do bị cáo Lâm Thị Tuyết M chưa nhận nên không buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[7]. Do hành vi của bị cáo thực hiện trước thời điểm 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên hành vi của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 01 năm đến 07 năm tù và quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù, so sánh giữa hai điều luật thì khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình nặng hơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/ QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 theo nguyên tắc xét xử có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với Hồ Văn K, ngày 12/9/2001 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã đưa ra xét xử và tuyên phạt Khánh 03 năm tù về tội Cướp tài sản, 02 năm tù về tội Chứa mại dâm, tổng hợp hình phạt là 05 năm tù. Do đó không đề cập xử lý Khánh tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở.

Đối với ông Lê Văn D và bà Lý Thị P là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vụ án vắng mặt đối với người làm chứng.

[10]. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Lâm Thu T, Lâm Thị T) phạm tội “Chứa mại dâm”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lâm Thị Tuyết M 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lâm Thị Tuyết M.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lâm Thị Tuyết M.

Không tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 20.000 đồng vì bị cáo Lâm Thị Tuyết M chưa nhận số tiền này.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lâm Thị Tuyết M phải chịu 200.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Công an huyện Năm Căn;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**

